

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày 24-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 24-5-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLST-DS ngày 18-10-2021, về Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXX-ST ngày 08-4-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 06-5-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nngv và Phtr NthVN; địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Mạnh H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nngv và Phtr NthVN chi nhánh huyện VB Đông Hải Phòng (Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27-12-2019); người đại diện theo ủy quyền lại của ông Hà: Ông Phạm Tuấn H1 – Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng Nngv và Phtr NthVN – Chi nhánh huyện VB Đông Hải Phòng (Theo giấy ủy quyền ngày 10-6-2021), có mặt.

- Đồng bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2 và bà Phạm Thị H3; nơi cư trú: Thôn ThĐ, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng, đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị C; nơi cư trú: Thôn ATr, xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; ông T có mặt, bà C vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21-10-2016, Ngân hàng Nngv và Phtr NthVN – Chi nhánh huyện VB Đông Hải Phòng (sau đây viết tắt là Ngân hàng) với vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 đã ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201604401/HĐTD, nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 vay số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng; loại tiền vay: VND; mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo nhà bốn tầng, nâng cấp tầng gác tum; thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 21-10-2016; lãi suất: 12%/năm.

Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng tín dụng nêu trên, bên vay đã thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2107-LCP-201600780 ngày 21-10-2016, giữa ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị C (Bên thế chấp) và Ngân hàng (Bên nhận thế chấp). Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 1.288m² đất và tài sản trên đất tại thửa số 143, 300, 301, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Thôn ATr, xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392671, số vào sổ 285 do Ủy ban nhân dân huyện VB cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Công T. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Thực hiện hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201604401/HĐTD, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 số tiền là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền là 1.045.255.641 đồng. Trong đó: 720.000.000 đồng tiền gốc và 325.255.641 đồng tiền lãi.

Sau đó vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 đã không thanh toán nợ đúng hạn, vi phạm Hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201604401/HĐTD ký ngày 21-10-2016. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc đề ông H2, bà H3 và người bảo lãnh là ông T, bà C trả nợ cho Ngân hàng nH2 vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, để đảm bảo thu hồi vốn vay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện VB:

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201604401/HĐTD ký ngày 21-10-2016 tạm tính đến ngày 24-5-2022 là: 678.320.548 (Sáu trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 480.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 156.736.438 đồng; nợ lãi quá hạn: 38.584.110 đồng và lãi phát sinh từ ngày 25-5-2022 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

2. Nếu vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị C không trả thay khoản nợ nêu trên cho vợ chồng ông H2 bà H3 thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện VB tuyên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2107-LCP-201600780 ngày 21-10-2016. Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 1.288m² đất và tài sản trên đất tại thửa số 143, 300, 301, tờ bản đồ số 05, toạ lạc tại Thôn ATr, xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392671, số vào sổ 285 do Ủy ban nhân dân huyện VB cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Công T. Nếu việc bán/phát mại tài sản không đủ cho việc trả nợ thì vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 phải tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết khoản vay.

- Đồng bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Toà án nH2 tại văn bản ngày 19-10-2021 ông Nguyễn Tiến H2 trình bày:

Ông xác nhận về việc vợ chồng ông có ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng ngày 21-10-2016, số tiền vay là 1.200.000.000 đồng; thời hạn và là 5 năm. Quá trình thực hiện hợp đồng ông đã trả được 720.000.000 (Bảy trăm hai mươi triệu) đồng tiền gốc và cam kết sẽ dùng khoản tiền do Công ty Tasco trả (Tiền giữ lại bảo hành thi công dự án Quốc lộ 10 của Công ty Như Hà) để trả gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

- Tại bản tự khai, tại phiên hoà giải và tại phiên toà: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị C trình bày: Tháng 10/2016, vợ chồng anh H2, chị H3 có sang nhà ông bà hỏi mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Công T trong thời hạn 01 năm để vay tiền trả tiền công trình. Do tin tưởng nên vợ chồng ông, bà đã cho vợ chồng anh H2, chị H3 mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392671, số vào sổ 285 do Ủy ban nhân dân huyện VB cấp ngày 01-5-1997 đứng tên Nguyễn Công T. Đến ngày 21-10-2016 vợ chồng anh H2 đã chở vợ chồng ông bà đến Ngân hàng, Phòng công chứng và Phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện VB làm thủ tục vay tiền và thế

chấp tài sản. Tuy nhiên, khi làm thủ tục tại Ngân hàng, vợ chồng ông, bà không được đọc Hợp đồng mà chỉ ký vào chỗ C bộ Ngân hàng bảo. Đến năm 2017, vợ chồng anh H2 không trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà, ông bà đã đòi nhiều lần nH2 vợ chồng anh H2 đều khát lần không trả. Nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng anh H2, chị H3 phải trả tiền, ông bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh H2, chị H3 phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, nếu vợ chồng anh H2, chị H3 không trả được nợ thì đề nghị Ngân hàng phát mại ngôi nhà 04 tầng của vợ chồng anh H2, chị H3 và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392671 cho vợ chồng ông bà. Trường hợp anh H2, chị H3 chết hoặc không còn tài sản gì khác để trả nợ cho Ngân hàng thì ông bà đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ 2 đồng bị đơn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 116, 117, 118, 119, 274, 275, 280, 292, 295, 298, 299, 317, 318, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 4, Điều 21, Điều 56, Điều 58, Điều 68, Điều 71 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các đồng bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201604401/HĐTD ký ngày 21-10-2016 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 24-5-2022 là 678.320.548 (Sáu trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 480.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 156.736.438 đồng; nợ lãi quá hạn: 38.584.110 đồng và lãi phát sinh từ ngày 25-5-2022 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu vợ chồng ông H2, bà H3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị C không trả thay khoản nợ nêu trên thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện VB tuyên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2107-LCP-201600780 ngày 21-10-2016. Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng

1.288m² đất và tài sản trên đất tại thửa số 143, 300, 301, tờ bản đồ số 05, toạ lạc tại Thôn ATr, xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392671, sổ vào sổ 285 do Ủy ban nhân dân huyện VB cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Công T để trả nợ cho Ngân hàng. Về án phí: Vợ chồng ông H2, bà H3 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 có nơi cư trú tại xã Vinh Quang, huyện VB, thành phố Hải Phòng phải trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201604401/HĐTD ký ngày 21-10-2016. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB. Tòa án nhân dân huyện VB giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Toàn án hợp lệ nH2 đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Tại phiên tòa lần 2 đồng bị đơn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C.

- Về nội dung vụ án:

[3] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 có ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201604401/HĐTD, nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 vay số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng); loại tiền vay: VND; mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo nhà bốn tầng, nâng cấp tầng gác tum; thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 21-10-2016; lãi suất: 12%/năm. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên đã ký kết với nhau Hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2107-LCP-201600780 ngày 21-10-2016 giữa ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị C (Bên thế chấp) và Ngân hàng (Bên nhận thế chấp). Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 1.288m² đất và tài sản trên đất tại thửa số 143, 300, 301, tờ bản đồ số 05, toạ lạc tại Thôn ATr, xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392671, số vào sổ 285 do Ủy ban nhân dân huyện VB cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Công T. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Như vậy, tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên (nguyên đơn, bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan) đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tự định đoạt, thỏa thuận, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật, Hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật Dân sự; Luật đất đai và khoản 1 Điều 4 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nêu trên đã có hiệu lực pháp luật, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận tại hợp đồng.

[5] Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay là vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 số tiền là 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông H2, bà H3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc vợ chồng ông H2, bà H3 phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201604401/HĐTD ký ngày 21-10-2016 là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Đối với tài sản thế chấp: Theo hồ sơ thế chấp thì toàn bộ tài sản thế chấp là thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị C. Khi ký kết hợp đồng tín dụng, bên thứ ba là vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị C thừa nhận đã ký hợp đồng thế chấp tài sản tại Phòng công chứng, tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện VB. Do đó, trường hợp vợ ông H2, bà H3 không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Việc ông T, bà C cho rằng do tin tưởng nên vợ chồng ông, bà đã cho vợ chồng anh H2, chị H3 mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392671 để làm thủ tục vay vốn và thế chấp tài sản, khi làm thủ tục tại Ngân hàng, vợ chồng ông, bà không được đọc Hợp đồng mà chỉ ký vào chỗ C bộ Ngân hàng bảo. Nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng anh H2, chị H3, ông, bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh H2, chị H3 phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, nếu vợ chồng anh H2, chị H3 không trả được nợ thì đề nghị Ngân hàng phát mại ngôi nhà 04 tầng của vợ chồng anh H2, chị H3 và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392671, số vào sổ 285 do Ủy ban nhân dân huyện VB cấp

ngày 01-5-1997 đứng tên Nguyễn Công T cho vợ chồng ông bà là không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24-5-2022, vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 còn nợ và phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền của Hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201604401/HĐTD ký ngày 21-10-2016 tạm tính đến ngày 24-5-2022 là 678.320.548 (Sáu trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 480.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 156.736.438 đồng; nợ lãi quá hạn: 38.584.110 đồng và lãi phát sinh từ ngày 25-5-2022 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị C không trả thay khoản nợ nêu trên cho vợ chồng ông H2, bà H3 thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng ông H2, bà H3 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đến khi trả hết khoản vay.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên đồng bị đơn là vợ chồng ông H2, bà H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116; 117; 118; 119; 274; 275; 280; 292; 295, 298; 299; 317; 318; 463; 466; 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 4, Điều 21, Điều 56, Điều 58, Điều 68, Điều 71 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201604401/HĐTD ký ngày 21-10-2016 tạm tính đến ngày 24-5-2022 với tổng số tiền là 678.320.548 (Sáu trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 480.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 156.736.438 đồng; nợ lãi quá hạn: 38.584.110 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25-5-2022), vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201604401/HĐTD ký ngày 21-10-2016, cho đến khi trả xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Nếu vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị C không trả thay khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB phát mại toàn bộ tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2107-LCP-201600780 ngày 21-10-2016. Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng 1.288m² đất và tài sản trên đất tại thửa số 143, 300, 301, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Thôn ATr, xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392671, số vào sổ 285 do Ủy ban nhân dân huyện VB cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Công T.

Trong trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết khoản vay.

3. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.132.800 (Ba mươi một triệu một trăm ba mươi hai nghìn tám trăm) đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu số 0002085 ngày 15-10-2021.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng, ông Nguyễn Công T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vợ chồng ông Nguyễn Tiến H2, bà Phạm Thị H3 và bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2022 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2022; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2022./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện VB;
- Chi cục THADS huyện VB;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh